TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH C**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 01/2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 17 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý 01/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018, giữa:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký HKTT: xóm T, xã T, huyện B, tỉnh V.

Chỗ ở hiện nay: xóm T, xã T, huyện B, tỉnh V.

***Bị đơn:** Chị Nại Thị P, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký HKTT: xóm T, xã T, huyện B, tỉnh V.

Chỗ ở hiện nay: xóm Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C

Căn cứ các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 09 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

***Nguyên đơn:** Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1974.

Nơi đăng ký HKTT: xóm T, xã T, huyện B, tỉnh V.

Chỗ ở hiện nay: xóm T, xã T, huyện B, tỉnh V.

***Bị đơn:** Chị Nại Thị P, sinh năm 1976.

Nơi đăng ký HKTT: xóm T, xã T, huyện B, tỉnh V.

Chỗ ở hiện nay: xóm Đ, xã Q, huyện T, tỉnh C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Văn Q và chị Nại Thị P.

- Về con chung: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nại Thị P có 01 con chung tên là Nguyễn Thanh T sinh năm 2002. Sau khi ly hôn, anh Q và chị P thỏa thuận là anh Q được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung đến tuổi trưởng thành. Anh Q không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Các đương sự đều xác nhận là không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q và chị Nại Thị P mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm trong trường hợp thuận tình ly hôn để sung công quỹ Nhà nước. Anh Nguyễn Văn Q đã tự nguyện thay cho chị Nại Thị P số tiền 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Tổng cộng anh Q nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Số tiền án phí dân sự sơ thẩm anh Nguyễn Văn Q phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh C theo biên lai số AA/2011/02124 ngày 19/3/2018. Nay trả lại cho anh Q số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh C;
- VKSND huyện;
- THADS huyện;
- UBND xã Q, huyện T, tỉnh C;
- UBND xã T, huyện B, tỉnh V
- Các đương sự;
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Văn Thụ